ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHXH&NV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ THI HP TRIẾT HỌC KHÓA QH-2023-X (Đợt 2)

Đơn vị: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn- ĐHQGHN

Ngày thi: 25/7/2024 **Phòng thi: 06** **Giảng đường: 304- Nhà G**

Trường ĐHKHXH&NV- ĐHQGHN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chương trình ĐT	Số tờ	Ký nhận	Ghi chú
1	181	Phạm Tiến Đạt	18/08/1993	Việt Nam học (ĐHNC)			
2	182	Nguyễn Thủy Hồng	11/09/1986	Việt Nam học (ĐHNC)			
3	183	Nguyễn Trọng Hưng	09/04/1990	Việt Nam học (ĐHNC)			
4	184	Lại Thị Mỹ Linh	17/09/1990	Việt Nam học (ĐHNC)			
5	185	Nguyễn Thị Khánh Linh	13/07/2001	Việt Nam học (ĐHNC)			
6	186	Lê Thị Hồng Nhung	19/09/2001	Việt Nam học (ĐHNC)			
7	187	Trần Thị Thanh Xuân	04/02/2000	Việt Nam học (ĐHNC)			
8	188	CAO JIA	05/07/1993	Việt Nam học (ĐHNC)			
9	189	ZHANG XIHONG	19/04/1999	Việt Nam học (ĐHNC)			
10	190	PANG CUIFENG	04/7/1997	Việt Nam học (ĐHNC)			
11	191	HUANG YINGSHAN	25/02/1999	Việt Nam học (ĐHNC)			
12	192	QIN LUMI	28/07/1998	Việt Nam học (ĐHNC)			
13	193	FU YUANYUAN	15/11/1999	Việt Nam học (ĐHNC)			
14	194	ZHAO ZHIXIN	17/07/2000	Việt Nam học (ĐHNC)			
15	195	LU XINGYU	25/10/1999	Việt Nam học (ĐHNC)			
16	196	HUANG XIAOMEI	16/11/1998	Việt Nam học (ĐHNC)			
17	197	LIANG LUN	07/10/1997	Việt Nam học (ĐHNC)			
18	198	XIAO HAOHUI	20/11/2000	Việt Nam học (ĐHNC)			
19	199	ZHUANG WANQIN	31/08/1999	Việt Nam học (ĐHNC)			
20	200	YU TIANTIAN	02/12/1998	Việt Nam học (ĐHNC)			
21	201	FENG WENTING	15/08/1999	Việt Nam học (ĐHNC)			
22	202	WU JUANJUN	09/05/1990	Việt Nam học (ĐHNC)			
23	203	LI ZHICHAO	16/05/1999	Việt Nam học (ĐHNC)			
24	204	SUN YITING	18/02/2001	Việt Nam học (ĐHNC)			
25	205	ZHAO MENGYI	21/08/2000	Việt Nam học (ĐHNC)			
26	206	LUO SHUHANG	04/10/1998	Việt Nam học (ĐHNC)			
27	207	LONG ZHUOYI	20/12/2000	Việt Nam học			
28	208	ZOU XIAO PING	20/08/1999	Ngôn ngữ học			

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành ĐT	Số tờ	Ký nhận	Ghi chú
29	209	Lê Ngọc Trâm	26/02/1997	Tâm lý học lâm sàng (ĐHƯD)			
30	210	Đinh Ngọc Ánh	20/03/1993	Việt Nam học (ĐHNC)			
31	211	Kiều Huyền My	22/03/1997	Tâm lý học lâm sàng (ĐHƯD)			
32	212	Nguyễn Thị Thoa	10/05/1991	Tâm lý học lâm sàng (ĐHƯD)			
33	213	Nguyễn Thị Bích Ngọc	26/05/1998	Tâm lý học lâm sàng (ĐHƯD)			
34	214	Nguyễn Văn Phú	01/07/2000	Vật lý vô tuyến và điện tử			
35	215	Nguyễn Thanh Vân	27/01/1987	Tâm lý học			
36	216	Trần Hoàng Hải	20/05/1971	Tôn giáo học			
37	217	Phùng Khánh Chi	10/07/2000	KH Thông tin – Thư viện			2022.2
38	218	Lưu Thị Bích Hường	11/03/1987	QTBCTT			2023.1
39	219	Nguyễn Quang Trường	09/11/1975	Quản trị an ninh phi TT			HSB.2022
40	220	Nguyễn Thị Vân Anh	29/06/1997	Du lịch			2023.1
41	221	Phạm Hạnh Dung	28/11/1998	Tâm lý học			2022.2
42	222	Trần Thị Hồng Nhung	9/19/1994	Xã hội học			2022.2

Số bài: .....

Số tờ: .....

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2024

Cán bộ coi thi 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi 2
(ký và ghi rõ họ tên)